— Một bản gửi cho Công ty tem bưu điện để lập kế hoạch in tem và cung cấp tem thư cho Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ.

2. Việc giao nhận tem thư Quân đội và Công an nhân dân được thực hiện theo hợp đồng cung cấp tem cả năm và chia đều cho 4 quý, mỗi quý cấp 1 lần vào tháng cuối quý trước để dùng cho quý sau, khi giao nhận phải có phiếu xuất kho và chữ ký xác nhận của cơ quan nhận tem.

3. Nếu có sự thay đổi so với hợp đồng đã ký kết phải được thông báo trước và có sự thỏa thuận của các bên hữu quan. Mọi sự vi phạm phải được đưa ra Hội đồng trọng tài kinh tế xử lý.

4. Số lượng tem thư cung cấp ký trong hợp đồng do Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ căn cứ vào số lượng cán bộ, chiến sĩ và tiêu chuẩn tem thư được cấp một tháng đã quy định ở điểm 1, mục I để đặt kế hoạch với Tổng cục Bưu điện.

III. THANH TOÁN TIỀN MUA TEM THƯ QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN:

Thanh toán tiền tem thư Quân đội và Công an nhân dân căn cứ vào giá in trên mặt tem và số lượng tem đã được cung cấp. Tiền thanh toán tem thư Quân đội do Ngân sách Nhà nước chi và do Bộ Tài chính cấp phát cho Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ.

1. Khi cung cấp tem thư cho quân đội và công an, Tổng cục Bưu điện lập phiếu xuất có chữ ký xác nhận của cơ quan nhận tem. Phiếu này được chuyển đến Tổng cục Bưu điện để thanh toán chi phí in tem cho Công ty tem, đồng thời là chứng từ để Tổng cục Bưu điện làm thủ tục đề nghị Bộ Tài chính (Vụ I) cấp phát kinh phí, Bộ Tài chính căn cứ vào phiếu xuất kho và hợp đồng đã được ký kết giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ với Tổng cục Bưu điện để cấp phát kinh phí thanh toán theo phương thức ghi chi cho Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và chuyển số tiền đó trả cho Tổng cục Bưu điện.

2. Tem thư Quân đội và Công an nhân dân và việc sử dụng tem thư Quân đội và Công an nhân dân thể hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các lực lượng vũ trang nhân dân, là tài sản xã hội chủ nghĩa cần được bảo vệ và phải sử dụng đúng chính sách. Các Bộ, các ngành liên quan cần quan tâm thực hiện nghiêm chỉnh Công văn số 1986 — V5 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư hướng dẫn này.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này được thi hành thống nhất trong cả nước kể từ ngày 1-7-1986. Các văn bản đã quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính *Thứ trưởng* HỒ TẾ	K.T. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng *Thứ trưởng* Thượng tướng BÙI PHÙNG
K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ *Thứ trưởng* TRẦN ĐÔNG	K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện *Tổng cục phó* LÊ ĐỨC NIỆM

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 26-TC/ĐTXD ngày 13-9-1986 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp trong xây dựng cơ bản.

Thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng quy định tạm thời về quyền tự chủ tài chính của các

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

đơn vị kinh tế cơ sở, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp đối với xí nghiệp, công ty, xí nghiệp liên hợp xây lắp; xí nghiệp, công ty khảo sát xây dựng; xí nghiệp, viện thiết kế quy hoạch xây dựng; xí nghiệp, viện thiết kế công trình xây dựng (gọi chung là xí nghiệp) quốc doanh hạch toán kinh tế độc lập như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp được quy định dựa trên số lợi nhuận thực sự làm ra của xí nghiệp, khi phân phối có tính đến mức độ hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh được duyệt; vận dụng nguyên tắc phân phối theo lao động và sự công bằng xã hội giữa các đơn vị xí nghiệp và giữa các ngành kinh tế; bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa 3 lợi ích là lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể xí nghiệp và lợi ích cá nhân người lao động; sử dụng lợi nhuận như một đòn bẩy kinh tế quan trọng để không ngừng thúc đẩy thi công xây dựng cơ bản phát triển.

2. Căn cứ để thực hiện chế độ phân phối lợi nhuận là số lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận thực tế đạt được của đơn vị xí nghiệp:

— Lợi nhuận kế hoạch hàng năm của xí nghiệp được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng xây lắp, khảo sát, thiết kế quy hoạch và thiết kế công trình xây dựng thực hiện được nghiệm thu, thanh toán tính theo giá dự toán được lập theo định mức, đơn giá Nhà nước quy định (sau khi đã trừ đi các khoản chênh lệch giá nếu có), trừ đi giá thành kế hoạch.

— Lợi nhuận sản xuất chính, sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm và các khoản lợi nhuận khác (như lợi nhuận sản xuất phụ trợ, lợi nhuận kinh doanh ngoài cơ bản, lợi nhuận do cung ứng lao vụ cho bên ngoài...) phải được kế hoạch hóa trong một kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính thống nhất của xí nghiệp.

— Lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp bao gồm các khoản lợi nhuận của các phần sản xuất nói trên và được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng xây lắp, khảo sát, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình xây dựng thực hiện đã được nghiệm thu thanh toán trừ đi giá thành thực tế được duyệt và trừ đi các khoản thu về chênh lệch giá nếu có.

3. Ngoài khoản lợi nhuận sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm được phân phối theo những tỷ lệ khuyến khích, các khoản lợi nhuận còn lại được phân phối theo những tỷ lệ thống nhất.

4. Để khuyến khích xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch được duyệt, phần vượt kế hoạch về lợi nhuận được khuyến khích với tỷ lệ phần trăm để lại xí nghiệp cao hơn.

Ngược lại, nếu xí nghiệp không hoàn thành toàn diện những chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước thì sẽ bị phạt trừ vào phần lợi nhuận để lại xí nghiệp.

5. Mở rộng hơn phạm vi sử dụng lợi nhuận, phạm vi sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng nhằm nâng cao quyền tự chủ của xí nghiệp trong việc sử dụng phần lợi nhuận để lại xí nghiệp.

II. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

A. Kế hoạch hóa phân phối lợi nhuận:

1. Lợi nhuận kế hoạch của xí nghiệp sau khi dành một phần để trả tiền lãi vay Ngân hàng về tài sản cố định được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng (nếu có) được phân phối như sau:

— Nộp ngân sách Nhà nước: 50%
— Để lại xí nghiệp : 50%

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Riêng đối với lợi nhuận kế hoạch của sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm được để lại xí nghiệp 70%, nộp ngân sách Nhà nước 30%.

2. Toàn bộ phần lợi nhuận để lại xí nghiệp theo kế hoạch được phân phối cho 3 quỹ theo tỷ lệ quy định như sau:

— Cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất từ 35% đến 50%,

— Số còn lại cho 2 quỹ (khen thưởng và phúc lợi), trong đó khoảng 1/3 cho quỹ phúc lợi, 2/3 cho quỹ khen thưởng. Tỷ lệ cụ thể do Giám đốc xí nghiệp quyết định sau khi có ý kiến tham gia của công đoàn cơ sở.

B. Thực hiện phân phối lợi nhuận :

1. Trên cơ sở tổng số lợi nhuận kế hoạch, số lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước của xí nghiệp nói trên được duyệt và trở thành chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước giao cho xí nghiệp.

Số lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước theo kế hoạch được phân thành 4 quý và xí nghiệp có trách nhiệm nộp đều đặn hàng tháng (hoặc theo định kỳ) vào ngân sách Nhà nước.

Số lợi nhuận được trích lập 3 quỹ theo kế hoạch cả năm được phân ra làm 4 quý, và hàng quý xí nghiệp được tạm trích 70% vào mỗi quỹ sau khi đã hoàn thành việc nộp lợi nhuận và các khoản thu khác vào Ngân sách Nhà nước hàng quý theo kế hoạch được duyệt và có ý kiến xác nhận của cơ quan tài chính (Chi cục thu quốc doanh và quản lý tài chính xí nghiệp Trung ương – đối với các đơn vị xí nghiệp Trung ương; hoặc tài chính địa phương — đối với các xí nghiệp địa phương).

2. Hết năm, khi xét duyệt quyết toán và mức trích lập các quỹ xí nghiệp chính thức, xí nghiệp sẽ được xác định phần lợi nhuận để lại theo quy định như sau:

— Phần lợi nhuận thực hiện trong kế hoạch được phân phối theo như điểm 1, phần A, mục II trên đây (50% nộp Ngân sách Nhà nước, 50% để lại xí nghiệp).

Riêng đối với lợi nhuận sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm thì tỷ lệ phân phối lợi nhuận được áp dụng chung cho cả phần trong kế hoạch và vượt kế hoạch: 70% để lại xí nghiệp, 30% nộp Ngân sách Nhà nước (nếu xí nghiệp hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của sản xuất chính); 50% để lại xí nghiệp, 50% nộp Ngân sách Nhà nước (nếu xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của sản xuất chính).

— Phần lợi nhuận thực hiện vượt mức kế hoạch (kể cả sản xuất phụ trợ hoặc cung cấp lao vụ cho bên ngoài và kinh doanh ngoài cơ bản nếu có) được phân phối như sau:

Đối với xí nghiệp xây lắp, khảo sát xây dựng nộp ngân sách Nhà nước 20%, để lại xí nghiệp 80%.

Đối với xí nghiệp thiết kế quy hoạch nộp ngân sách Nhà nước 40%, để lại xí nghiệp 60%.

3. Phần lợi nhuận để lại xí nghiệp (kể cả trong kế hoạch và vượt kế hoạch) sau khi trừ đi các khoản nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm kỷ luật quản lý tiền mặt, tín dụng, thanh toán và các khoản chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành, được phân phối vào các quỹ như quy định ở điểm 2, phần A, mục II trên đây.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4. Trường hợp xí nghiệp không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh cả năm nói sau đây thì tổng số 3 quỹ sẽ bị giảm trừ.

— Đối với chỉ tiêu giá trị sản lượng xây lắp, khảo sát, quy hoạch, thiết kế xây dựng thực hiện đã được nghiệm thu thanh toán thì cứ mỗi phần trăm (1%) không hoàn thành thì phạt trừ 2% vào mỗi quỹ (3 quỹ).

— Đối với chỉ tiêu danh mục công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao thì cứ mỗi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành bàn giao chậm, mức giảm trừ được tính theo tỷ lệ phần trăm vào mỗi quỹ (3 quỹ) cụ thể như sau:

Thời gian chậm	*Đối với hạng mục công trình*	*Đối với công trình*
Chậm dưới 3 tháng	2%	5%
Chậm từ 3 tháng trở lên	5%	10%

— Đối với chỉ tiêu các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác): cứ mỗi phần trăm (1%) không hoàn thành thì phạt trừ 2% vào mỗi quỹ (3 quỹ).

5. Ngoài ra nếu xí nghiệp vi phạm chế độ chính sách quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước kể dưới đây, thì cứ mỗi vi phạm tùy theo mức độ vi phạm mà giảm trừ từ 2% đến 5% số tiền được trích cho mỗi quỹ (3 quỹ).

— Nộp không kịp thời các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước theo kế hoạch hàng quý, bao gồm lợi nhuận, thu quốc doanh, khấu hao cơ bản và các khoản phải nộp khác như chênh lệch giá (nếu có)...

— Vi phạm các chế độ báo cáo thống kê, quyết toán.

Số tiền phạt trừ quy định tại điểm 4 và điểm 5 nói trên, xí nghiệp phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

6. Không hạn chế mức trích tối đa vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, nhưng khi số lợi nhuận trích vào cả 2 quỹ này vượt quá 50% quỹ lương cơ bản thực hiện cả năm của tổng số công nhân viên xây lắp (khảo sát, thiết kế, quy hoạch) của xí nghiệp, thì số vượt quá này được phân phối như sau:

— Vượt từ trên 50% đến 70% quỹ lương cơ bản thực hiện, xí nghiệp phải nộp Ngân sách Nhà nước 50%, nộp lên cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ dự trữ tài chính (nếu có) 10%, số còn lại bổ sung vào các quỹ; xí nghiệp vào quỹ nào, bao nhiêu do Giám đốc xí nghiệp quyết định.

— Vượt từ trên 70% quỹ lương cơ bản thực hiện, xí nghiệp phải nộp Ngân sách Nhà nước 70%, nộp lên cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ dự trữ tài chính (nếu có) 10%, số còn lại bổ sung vào các quỹ xí nghiệp; vào quỹ nào, bao nhiêu, do Giám đốc xí nghiệp quyết định.

Thời điểm để xí nghiệp được trích đủ (100%) số lợi nhuận để lại xí nghiệp lập 3 quỹ theo những quy định nói trên là xí nghiệp phải hoàn thành 100% số lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định (có xác nhận của cơ quan tài chính cùng cấp) trên cơ sở số liệu xét duyệt quyết toán hàng năm cho xí nghiệp.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

7. Mức trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi bình quân trên đầu người của cơ quan Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty) không phải là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung bằng mức trích bình quân thực tế đạt được 2 quỹ đó trên đầu người tổng số công nhân viên của toàn Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty).

Nguồn trích lập 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi của cơ quan Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty) là quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi của các đơn vị xí nghiệp trực thuộc. Mức phân bổ cho từng đơn vị xí nghiệp trực thuộc do Giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty) quyết định tùy theo yêu cầu và khả năng cụ thể của từng đơn vị xí nghiệp.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG 3 QUỸ XÍ NGHIỆP

Ngoài những quy định hiện hành về nội dung sử dụng 3 quỹ xí nghiệp, nay bổ sung thêm các nội dung sau:

1. Dành từ 1% đến 3% quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của các đơn vị, xí nghiệp hạch toán kinh tế độc lập để lập quỹ dự trữ tài chính tập trung ở các cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp như Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty, Bộ chủ quản. Mức cụ thể do cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của xí nghiệp quy định.

Xí nghiệp được sử dụng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất để bổ sung cho nhu cầu tăng vốn lưu động, vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản, nộp lên cơ quan quản lý cấp trên để lập quỹ nghiên cứu khoa học kỹ thuật tập trung theo kế hoạch hàng năm của xí nghiệp.

2. Dành 1% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của xí nghiệp để lập quỹ Bộ trưởng (hoặc quỹ Tổng giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty). Trường hợp cấp trên trực tiếp của xí nghiệp là Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty) không phải là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung thì 1% đó được chia ra 2 phần: 0,5% để lập quỹ Tổng giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty) và 0,5% được chuyển lên Bộ để lập quỹ Bộ trưởng. Trường hợp Liên hiệp các xí nghiệp (Tổng công ty) là những đơn vị hạch toán kinh tế tập trung thì phải dùng 1% quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng của mình để lập quỹ Bộ trưởng.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan cấp trên (Bộ, Sở chủ quản, Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty) phải giao kế hoạch tài chính trong đó có kế hoạch thu nộp ngân sách Nhà nước cho các đơn vị xí nghiệp trực thuộc và gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Tổng số thu nộp Ngân sách Nhà nước mà cơ quan cấp trên giao cho các đơn vị xí nghiệp trực thuộc không được thấp hơn chỉ tiêu thu nộp Ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các cơ quan cấp trên giao thấp hơn thì cứ mỗi phần trăm (1%) giao thấp hơn phải phạt trừ 2% vào quỹ Bộ trưởng (hoặc quỹ Tổng giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng công ty), nếu không có quỹ Bộ trưởng thì

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653843

phạt trừ 2% vào quỹ dự trữ tài chính. Số bị phạt trừ này phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Các đơn vị xí nghiệp cơ sở phải đăng ký kế hoạch trích lập 3 quỹ có chia ra từng quý với cơ quan tài chính cùng cấp và ngân hàng nơi xí nghiệp mở tài khoản và được trích hàng quý như quy định ở điểm 1. phần B, mục II của Thông tư này.

3. Khi duyệt quyết toán hàng năm cho đơn vị cơ sở, cơ quan quản lý cấp trên với sự tham gia của cơ quan tài chính cùng cấp duyệt số chính thức về lợi nhuận để lại xí nghiệp trích lập 3 quỹ và số lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước như quy định ở phần B, mục II Thông tư này. Nếu xí nghiệp sử dụng quá số lợi nhuận để lại xí nghiệp thì phải trừ vào số trích của năm sau và ngược lại, nếu thiếu được trích thêm.

4. Đối với các đơn vị vừa làm nhiệm vụ sản xuất, vừa làm nhiệm vụ xây dựng cơ bản theo hình thức tự tổ chức thi công và có hạch toán riêng như hoạt động xây dựng cơ bản thuộc ngành cao su, lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, thủy lợi, việc phân phối lợi nhuận do tiêu thụ sản phẩm xây lắp được áp dụng theo các quy định trong Thông tư này.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1986 và được áp dụng cho việc phân phối lợi nhuận cả năm 1986 của các xí nghiệp trung ương và địa phương.

Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng
HỒ TẾ

BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ của Bộ Thương binh và xã hội số 10-TBXH ngày 15-9-1986 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 219-CT ngày 1-9-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về bảo đảm chế độ nuôi dưỡng theo định lượng cho thương binh nặng, bệnh binh nặng.

Thi hành Quyết định số 219-CT ngày 1-9-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về bảo đảm chế độ nuôi dưỡng theo định lượng cho thương binh nặng, bệnh binh nặng, Bộ Thương binh và xã hội hướng dẫn cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ NUÔI DƯỠNG THEO ĐỊNH LƯỢNG QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 219-CT

Đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng theo định lượng quy định tại Quyết định số 219-CT bao gồm những thương binh (kể cả người hưởng chính sách như thương binh) hạng 1 (theo tiêu chuẩn 4 hạng) và bệnh binh hạng 1 (theo tiêu chuẩn 3 hạng) quy định tại Nghị định số 236-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng được nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng của Nhà nước hoặc được nuôi dưỡng ở gia đình.

Những thương binh hạng 1 đang hưởng chế độ hưu trí cũng được hưởng chế độ nuôi dưỡng nói tại Quyết định số 219-CT

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com